



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

IV#:

VEWL#:

I-171# Y NO

EXIT VISA#:

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM Hên chi Hs
Last Middle First

Current Address: 114 Phan Đình Phùng Bền Hoà Đồng Nai

Date of Birth: 7th 03/1937 Place of Birth: Saigon

Previous Occupation (before 1975) Capt 342nd Direct Supply Group
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 23-6-1975 To 30-1-1981
Years: 5 Months: 7 Days: 4

3. SPONSOR'S NAME:

Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone Number

Relationship

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: 5th 2/1990

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) :

Hên chí Hô
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
1. Nguyễn Thị Mỹ Yên	13-12-1944	Spouse
2. Huỳnh Thị Hồng Yên	11-01-1978	son
3. Hồ Trung Hiếu	08-03-1982	son

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

IV#: _____

VEWL.#: _____

I-171#: _____ Y _____ NO _____

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM Hên CHÍ HI
Last Middle First

Current Address: 114 Phan Đình Phùng Biên Hòa Đồng Nai

Date of Birth: 7th 03 1937 Place of Birth: Saigon

Previous Occupation (before 1975) Capt. 342nd Direct Supply Group
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 23-6-1975 To 30-1-1981
Years: 5 Months: 7 Days: 4

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: 5th 2/1990

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) :

Hàn Chi Hân
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
1- Nguyễn thị Mỹ Yên	13-12-1944	spouse
2- Huỳnh thị Hồng Yên	11-01-1978	son
3- Hồ Trung Hiếu	08-03-1982	son

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

HỒ SƠ BỐ TÚC

NAME (Ten Tu-nhan) : Hên Chí Hồ
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)
DATE, PLACE OF BIRTH : 3 7 1937 Saigon
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): X Female (Nu): _____

MARITAL STATUS Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): X
(Tinh trang gia dinh):

ADDRESS IN VIETNAM : 114 Phan Dinh Phung Bien Hoa / Dong Nai
(Dia chi tai Viet-Nam)

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) X No (Khong) _____

If Yes (Neu co): From (Tu): 23/6/1975 To (Den): 26/1/1981

PLACE OF RE-EDUCATION: 30 D / K2 Ham Tan Thuan Hai
CAMP (Trai tu)

PROFESSION (Nghe nghiep): Quarter officer / Captain

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My) Food Service Supervision Officer / O.M Tortleesch
VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): Captain / 1842
VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): Direct Supply Group

Date (nam): _____

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): X (9/1984)
IV Number (So ho so): _____
No (Khong): _____

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 3
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti:

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 468/28 Vo Di Nguy / P3
Phu Nhuan / thanh pho HCM

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):

U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): _____ No (Khong): _____

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): _____

NAME & SIGNATURE: _____

ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) _____

DATE: 2 5 1990
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : Hên chí Hô
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
1. Nguyễn thị Mỹ yên	13-12-1966	Spouse
2. Huỳnh thị Hồng yển	11-01-1978	Son
3. Hồ trung Hiếu	08-03-1982	Son

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

HỒ SƠ BỒ TÚC

NAME (Ten Tu-nhan) : Hên chí Hồ
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)
DATE, PLACE OF BIRTH : 3 7 1937 Saigon
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)
SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): x Female (Nu): _____
MARITAL STATUS Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): x
(Tinh trang gia dinh):
ADDRESS IN VIETNAM : 114 Phan Dinh Phung Bien Hoa / Dong Nai
(Dia chi tai Viet-Nam)

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) x No (Khong) _____
If Yes (Neu co): From (Tu): 23/6/1975 To (Den): 30/1/1981
PLACE OF RE-EDUCATION: Z30D/K2 Ham Tan Chuân Hải
CAMP (Trai tu)

PROFESSION (Nghe nghiep): Quartermaster / Captain
EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): Food Service Supervision off. / DM Fort Lee school
VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): Captain / 362 Direct Supply Group
VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): _____
Date (nam): _____

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): x (9/1984)
IV Number (So ho so): _____
No (Khong): _____

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 3
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi tiep

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 468/28 Vo Di Nguy P3
Phu Nhuan / thanh pho HCM

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Ngươi Bao tro): _____

U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): _____ No (Khong): _____

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): _____

NAME & SIGNATURE: _____
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) _____

DATE: 2 5 1990
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : Hôn CHÍ HỒ
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
1. Nguyễn thị Mỹ Yên	13-12-1944	spouse
2. Huỳnh thị Hồng Yên	11-01-1978	son
3. Hồ Trung Hiếu	08-03-1982	son

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

فِي مَلَأَ

Theo thông tư số 960-BCH/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Công an.

Thi Khoa án văn, quyết định số 09 ngày 18 tháng 1 năm 1967

hay cấp giấy tha cho anh, vì có tên sau đây:

~~Họ, tên đại diện:~~ **Đỗ Chí Hòa**

Họ, tên thường gọi: **Hồ Chí Hân**

Ho ten of them

Sinh ngày 07 tháng 03 năm 1990

hỏi sinh: Giải Gồm

Nơi đánh thuốc trừ sâu và bắt: Cây Bàng, Thủ Thiêm

Can tội: Đại ý quân nhu

Ngày bắt n.ày 23/6/1975

-Ấn phết: 33CT

Theo quyết định của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh tháng năm của:

bả	ni	tang	an	an	cong	thanh	nam	thang
----	----	------	----	----	------	-------	-----	-------

Hải quân - 1000 tấn công thêm: năm tháng.

ai là Phan Đình Phùng, Biên Hòa, Đồng Nai

...xét về tình cảnh:

phụ giúp an gia tại tập, lao động tích cực, học tập và chấp hành nội quy của trại giam.

Thời hạn: 12 tháng. (Mười hai tháng)

Thị trấn: 02 Ngày (he tu nga, 4j giay ra trai)

Đến về lương thực thì địa phương đã cấp đủ từ trai về đến gia đình.

Lăn tay ngón trỏ trái

Ngày 30 tháng 01 năm 1961

Của: Hồ Chí Hên

PHÓ GIÁM THỊ

h và đi được cả

1975

150



Thiếu tá Phan Lưu Phước

VIỆT NAM CỘNG HÒA
République du Viêt-Nam

BỘ TƯ PHÁP
Secrétariat d'Etat à la Justice

SỞ TƯ PHÁP NAM-PHẦN
Service Judiciaire du Sud-Vietnam

PHÒNG LỤC-SỰ TÒA SAIGON

(GREFFE DU TRIBUNAL DE

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH SAIGON

(Extrait du registre des actes de naissance)

(NAM-PHẦN)
(Sud-Vietnam)

NĂM 1957
(Année)

SỐ HIỆU 1198
(Acte N°)

Tên, họ đứa con nít. (Nom et prénom de l'enfant)	HO CHI HEN
Nam, nữ. (Sexe de l'enfant)	masculin
Sanh ngày nào (Date de naissance)	15 sept Mars mil neuf cent cinquante sept à treize heures
Sanh tại chỗ nào. (Lieu de naissance)	Saigon rue Chasseloup Lambert n°131 (maternité Trần thị Sanh)
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	HO VAN TRUAN
Cha làm nghề gì (Sa profession)	chef du Bureau judiciaire
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Saigon rue Léon Combes n°91
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	TRẦN THỊ SÁU
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	sans profession
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Saigon rue Léon Combes n°91
Vợ chánh hay vợ thứ (Son rang de femme mariée)	premier rang

Chúng tôi, DANG VU HAM,
(Nous)

được Chánh-án Tòa SAIGON U.N.
(Président du Tribunal)

chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông TRẦN QUAN CHAN
(M)

Chánh-Lục-sự Tòa-án sở tại.
(Greffier en chef, dudit tribunal).

SAIGON, ngày 9.7.1959 195

TUN CHANH AN
(LE PRÉSIDENT)
THEN PHAN

Trích y bản chánh
(Pour extrait conforme)

SAIGON, ngày 9.7.1959 195

CHÁNH LỤC-SỰ.
LE GREFFIER EN CHEF,

Có giá trị 5000

(Cout)

Biên lai số:
(Quittance n°)



ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, phường 03
Huyện, Quận PHÚ NHUẬN
Tỉnh, Thành phố HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

TP/HT
Số 23
Quyển 01



GIẤY KHAI SINH (BẢN SAO)

Họ và tên HỒ TRUNG HIẾU Nam hay nữ Nam
Ngày, tháng, năm sinh Ngày tám tháng ba năm một ngàn chín trăm tám mươi hai (08/03/1982) lúc 20h30'
Nơi sinh Bệnh viện nhân dân Bình Thạnh
Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt Nam

Phần khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	<u>Nguyễn thị Mỹ Yến</u>	<u>Hồ Chí Hòa</u>
Tuổi	<u>1944</u>	<u>1937</u>
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>
Nghề nghiệp	<u>Nội trợ</u>	<u>Chăm nuôi heo</u>
Nơi thường trú	<u>462/20 Võ Di Nguy</u> <u>phường 03 Quận TP</u>	<u>Biên Hòa</u>

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh thư của người đứng khai.

Hồ Chí Hòa

Biên Hòa

Người đứng khai

HỒ CHÍ HÒA

Đăng ký ngày 12 tháng 01 năm 19 82
T/M ỦY BAN NHÂN DÂN

ỦY VIÊN THỦ KÝ

NGUYỄN HIẾU TRUNG

CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 20 tháng 01 năm 90

T/M UBND

Ký tên, đóng dấu



PHÓ CHỦ TỊCH

THẠM PHI HỒ

Mo. H43/P3

Số 07
Quyền số 01/7A

Ủy viên Hội Ký
Nguyễn Kim Tuyến

NO. 1173/PS

Số 2012
Quyển số hà nội 1955

HS. VI. PHÒNG K

Nguyễn Hoàng

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Mã HT 15/93

Xã, Thị trấn: Thanh Bình

Thị xã, Quận: Bến Nghé

Thành phố, tỉnh: Đà Nẵng

BẢN SAO

GIẤY CÔNG NHẬN KẾT HÔN

Số 289

Quyển 1

	CHỒNG	VỢ
HỌ VÀ TÊN Đi danh	<u>Hồ chế Nam</u>	<u>Nguyễn Hải Mỹ Yên</u>
Sinh ngày tháng năm hay tuổi	<u>Bảy tháng tư, một chín ba bảy (17-03-1937)</u>	<u>Ba mươi mốt tháng mười hai, một chín bốn bốn (31-12-1944)</u>
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>
Nghề nghiệp		
Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú	<u>Ấp Hòa Đông, Phường Đông, Thanh Bình</u>	<u>468/28 Võ Di Nguy Phường Xuân, Thành phố Hố chí Minh</u>
Số giấy CM, CNCC hoặc hộ chiếu		

Người chồng ký

Hu

Người vợ ký

Yên

Đăng ký, ngày 29 tháng 01 năm 1982

TM/UBND P. TB Ký tên đóng dấu

(Ghi rõ họ tên, chức vụ)

Đỗ Văn

thị trưởng

PHÂN THỰC SAO V BẢN CHÍNH

Ngày 09 tháng 09 năm 1991

Ký tên đóng dấu

(Ghi rõ họ tên, chức vụ)

Viên Thư Ký



Nguyễn Kim Xuyên

Saigon ngày 5 tháng 2 năm 1990

Kính thưa chị,

Bước vào đầu những ngày xuân của năm mới, gia đình chúng tôi kính xin chúc chị một năm mới vui tươi, khỏe mạnh và tình lành đến với chị.

Trước đây, chúng tôi có được nhờ chị để ngày 18-11-1989 và cũng trong tháng đó, chúng tôi có gửi cho chị toàn bộ hồ sơ gia đình chúng tôi để nhờ chị giúp đỡ tay. Tuy nhiên, do nhầm lẫn sự thất lạc hồ sơ, chúng tôi kính xin gửi chị 1 tập hồ sơ nữa và mong chị vui lòng tiếp nhận hầu có tài liệu giúp đỡ gia đình chúng tôi. Một lần nữa, kính xin mạn phép được làm phiền chị và kính xin cảm ơn chị nhiều.

Kính thư,

Hên Hồ chí Hên

MAR - 7 1990

Kính gửi :

Bà Hội Truông²

P.O. Box. 5435 Arlington VA.

22205-0635

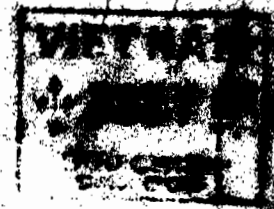
USA.



From: HS chi Hên

H68/29 Võ di Nguy P.N/HAM

98



114
13230



Hieu

437

Hồng Yến
(con)

478

Hiếu

1982

1

Hồ Chí Hên

CONTROL

____ Card
____ Doc. Request; Form
____ Release Order
____ Computer
____ Born "D"
____ ODP/Date
____ Membership Letter

5/27/90